TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN QL** **TỈNH NGHỆ AN**	**CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 53/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 12 - 8 - 2022
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QL, TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Đạt Nghiệm.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Trần M Chính;
2. Ông Nguyễn Vinh Hiến.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Hoàng Phương- Thư ký Tòa án nhân dân huyện QL, tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện QL tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Thanh Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện QL, tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 52/2022/TLST-HNGĐ ngày 16/02/2022, về: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 102/2022/QĐST-HNGĐ ngày 25/7/2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Văn Thị B, sinh năm 1990, có mặt;
- *Bị đơn:* Anh Trương Trọng H, sinh năm 1981, có mặt;

Cùng nơi cư trú: Xóm 7, xã QT, huyện QL, tỉnh Nghệ An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 14/02/2022 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Văn Thị B trình bày: Chị và anh Trương Trọng H tự nguyên kết hôn với nhau ngày 26/9/2008 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã QT, huyện QL, tỉnh Nghệ An. Thời gian đầu tình cảm vợ chồng B thường, đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn, do anh H ghen tuông vô cớ rồi chửi bới, đánh đập, xé quần áo và không cho chị ở trong nhà. Vì không thể chịu đựng được cuộc sống chung nên chị về bên ngoại ở từ tháng 3/2021 cho đến nay và chấm dứt mọi quan hệ. Sự việc đã được gia đình hai bên nội, ngoại khuyên bàn, H giải nhưng không thành do anh H không thay đổi tính nết được. Nay chị xét thấy không còn tình cảm với anh H nữa nên yêu cầu Tòa án nhân dân huyện QL giải quyết cho chị được ly hôn anh Trượng Trọng H.

- Về con: Chị và anh Trương Trọng H có 02 chung là: Trương Quang T, sinh ngày 09/02/2010 và Trương Thị Hồng M, sinh ngày 02/12/2012. Hiện tại, các con đang ở với anh H. Khi ly hôn chị nhất trí giao cả 02 con chung cho anh H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; chị sẽ có trách nhiệm với các con sau khi ly hôn.

- Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai và tại phiên tòa, bị đơn anh Trương Trọng H trình bày:

Về thời gian, điều kiện kết hôn và nơi đăng ký kết hôn anh thống nhất như chị B trình bày trên. Sau khi kết hôn, tình cảm vợ chồng B thường, đến tháng 3/2021 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do chị B có tình cảm với người khác qua điện thoại, anh đã khuyên ngăn nhưng không được. Chị B sau đó tự bỏ nhà đi chứ anh không đuổi đánh như chị B nói. Vợ chồng đã sống ly thân được một năm rưỡi, không còn quan hệ gì với nhau nữa. Nay chị B yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn nhưng anh không nhất trí vì vẫn còn tình cảm với chị B, anh mong muốn chị B quay về đoàn tụ nuôi con. Về con: Anh và chị Hồ Thị B có 02 con chung như chị B trình bày trên là đúng. Hiện tại các con chung đang ở với anh. Ly hôn anh có nguyện vọng được nuôi cả 02 con và các con đều có nguyện vọng được ở với bố. Tại phiên tòa, anh không yêu cầu chị B cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai, các cháu Trương Quang T và Trương Thị Hồng M đều có nguyện vọng xin được ở với bố là anh Trương Trọng H.

Kết quả xác M tại Ủy ban nhân dân xã QT: Anh Trương Trọng H và chị Văn Thị B có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã QT. Chị B và anh H hiện tại đã sống ly thân. Về nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng, chính quyền địa phương không được biết vì không qua H giải tại xã. Anh H và chị B có 02 con chung hiện nay đang ở với anh H. Nay chị B yêu cầu giải quyết ly hôn và nuôi con chung thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện QL phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

Thẩm phán thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Nguyên đơn thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ được Bộ luật Tố tụng dân sự quy định. Bị đơn một số lần không thực hiện theo giấy báo của Tòa án.

- Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, và 83 Luật Hôn nhân gia đình; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/NQ- UBNTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn. Cho chị Văn Thị B được ly hôn với anh Trương Trọng H. Giao 02 con chung là: Trương Quang

T, sinh ngày 09/02/2010 và Trương Thị Hồng M, sinh ngày 02/12/2012 cho anh H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi các con chung cho chị B, do anh H không yêu cầu. Chị B có quyền, nghĩa vụ thăm

nom con chung mà không ai được cản trở. Về tài sản chung: Chị B, anh H không ai yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét. Về án phí: Nguyên đơn phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và ý kiến Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình. Bị đơn anh Trương Trọng H cư trú tại xóm 7, xã QT, huyện QL, tỉnh Nghệ An. Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện QL, tỉnh Nghệ An.

[2] Về nội dung:

Quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa chị Văn Thị B và anh Trương Trọng H là hợp pháp, vì tuân thủ các thủ tục, điều kiện kết hôn do luật định. Quá trình chung sống đến năm 2021 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân theo hai bên trình bày có khác nhau nhưng thể hiện mâu thuẫn đã thực sự trầm trọng, vợ chồng đã sống ly thân một năm rưỡi qua và không còn quan hệ gì với nhau nữa. Anh H xin đoàn tụ nhưng không có biện pháp gì để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Nay chị B vẫn quyết tâm ly hôn. Xét thấy, mâu thuẫn giữa chị B và anh H đã thực sự trầm trọng, không thể khắc phục, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó cần áp dụng các Điều 51 và 56 Luật Hôn nhân và gia đình, xử cho chị Văn Thị B được ly hôn với anh Trương Trọng H.

- Về con chung: Chị Văn Thị B và anh Trương Trọng H có 02 con chung là Trương Quang T, sinh ngày 09/02/2010 và Trương Thị Hồng M, sinh ngày 02/12/2012. Hiện tại các cháu đang sống cùng anh H, khỏe mạnh phát triển B thường. Ly hôn, anh H có yêu cầu xin được nuôi cả 02 con; mặt khác các cháu T và M đều có nguyện vọng xin được ở với bố. Vì vậy, cần chấp nhận sự thống nhất, thỏa thuận của hai bên là giao cả 02 con chung là Trương Quang T và Trương Thị Hồng M cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho chị B, do anh H không yêu cầu. Chị B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: Chị Văn Thị B và anh Trương Trọng H không ai yêu cầu giải quyết nên miễn xét.

- Về án phí: Nguyên đơn chị Văn Thị B phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Các Điều 28, 35, 39, khoản 1 Điều 40, Điều 147 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử

dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Các Điều 51, 56, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Văn Thị B được ly hôn với anh Trương Trọng H.

2. Về con chung: Giao 02 con chung là Trương Quang T, sinh ngày 09/02/2010 và Trương Thị Hồng M, sinh ngày 02/12/2012 cho anh Trương Trọng H được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho chị Văn Thị B, do anh Trương Trọng H chưa yêu cầu.

Chị Văn Thị B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Trường hợp quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Về án phí: Chị Văn Thị B phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm; được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), theo biên lai thu tiền số 0007781, ngày 16/2/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện QL, tỉnh Nghệ An.

5. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần M Chính **Nguyễn Vinh Hiến** **Hồ Đạt Nghiệm**

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Nghệ An;
- VKSND H. QL;
- CCTHADS H. QL;
- UBND xã QT (nơi ĐKKH);
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ, VPTA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hồ Đạt Nghiệm